

Số: 125 /QĐ-THKD

Uông Bí, ngày 17 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thực hiện chế độ lương và phụ cấp lương tháng 03 năm 2025 của Trường TH Kim Đồng

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc công khai thực hiện chế độ lương và phụ cấp, chế độ GV dạy HSKT, chế độ phụ cấp GV dạy thể dục ngoài trời theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện chế độ lương và phụ cấp lương tháng 04 năm 2025 của Trường TH Kim Đồng (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 17/04/2025 đến hết ngày 17/05/2025

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Dương Thị Hồng Luyến

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện chế độ lương và phụ cấp tháng 03 năm 2025 của Trường Trường TH Kim Đồng

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hôm nay, vào hồi 14h00' ngày 17/04/2025, tại phòng họp của Trường TH Kim Đồng

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB-GV-NV nhà trường: 21/21 đ/c;
- Chủ trì cuộc họp: Đ/c: Dương Thị Hồng Luyện - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Nguyễn Thị Duyên - Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Lương Thị Định - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Đỗ Thị Hòa - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai

- Chế độ lương và PC tháng 03 năm 2025
(Kèm theo danh sách).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 17/04/2025 đến hết ngày 17/05/2025

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng thông báo của Trường TH Kim Đồng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai của Trường TH Kim Đồng, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Đỗ Thị Hòa - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định)

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai của Trường TH Kim Đồng từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00' ngày 17/04/2025.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán/.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Đỗ Thị Hòa

Đỗ Thị Hòa

ĐẠI DIỆN CĐ

Chủ tịch



Nguyễn Thị Duyên

KẾ TOÁN

Lương Thị Định

Lương Thị Định

CHỦ TRÌ

Hiệu trưởng



Dương Thị Hồng Luyến

Bảng thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương

THÁNG 03 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Hệ số lương	Hệ số chức vụ	PCTNN		Hệ số phụ cấp trách nhiệm	PC độc hại	PC khu vực	HS PC ưu đãi	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Ngày hưởng lương thực tế	BHXH		BHVT		BHTN		KPCD		Số thực lĩnh	Ghi chú
				%	Hệ số								Trích nộp CF (17,5%)	Trích vào lương (8%)	Trích vào CF (3%)	Trích vào lương (1,5%)	Trích vào CF (1%)	Trích vào lương (1%)	Trích vào CF (2%)	Trích vào lương		
1	Dương Thị Hồng Luyến	5.36	0.40	31%	1.79			0.3	2.88	10.73	25.097.904	22	3.089.923	1.412.536	529.701	264.851	176.567	176.567	353.134		23.243.950	
2	Nguyễn Thị Duyên	4.34	0.30	19%	0.88			0.3	2.32	8.14	19.051.344	22	2.261.095	1.033.644	387.616	193.808	129.205	129.205	258.411		17.694.687	
3	Lương Thị Định	3.65	0.20		0.00	0.1		0.3		4.25	9.945.000	13	1.576.575	720.720	270.270	135.135	90.090	90.090	180.180		8.999.055	
4	Dương Thị Bích Nhân	4.34		19%	0.82			0.3	2.17	7.63	17.864.964	22	2.114.904	966.813	362.555	181.277	120.852	120.852	241.703		16.596.022	
5	Phạm Thị Đông	3.99		15%	0.60			0.3	2.00	6.88	16.107.390	22	1.878.991	858.967	322.113	161.056	107.371	107.371	214.742		14.979.996	
6	Đỗ Thị Hòa	3.99	0.20	17%	0.71			0.3	2.10	7.30	17.075.682	22	2.007.492	917.711	344.141	172.071	114.714	114.714	229.428		15.871.187	
7	Nguyễn Thị Oanh	3.06			0.00		0.2	0.3		3.56	8.330.400	22	1.253.070	572.832	214.812	107.406	71.604	71.604	143.208		7.578.558	
8	Nguyễn Thị Thanh Thùy	3.66		15%	0.55			0.3	1.83	6.34	14.833.260	22	1.723.586	787.925	295.472	147.736	98.491	98.491	196.981		13.799.109	
9	Lý Thị Phương	3.33	0.15	14%	0.49			0.3	1.74	6.01	14.056.848	22	1.624.568	742.660	278.497	139.249	92.832	92.832	185.665		13.082.107	
10	Trần Thị Thương	3.00	0.20	11%	0.35			0.3	1.60	5.45	12.757.680	22	1.454.544	664.934	249.350	124.675	83.117	83.117	166.234		11.884.954	
11	Lý Thị Thơm	3.00		11%	0.33			0.3	1.50	5.13	12.004.200	22	1.363.635	623.376	233.766	116.883	77.922	77.922	155.844		11.186.019	
12	Nguyễn Thị Mai Lệ	3.33	0.15	13%	0.45			0.3	1.74	5.97	13.975.416	22	1.610.318	736.145	276.054	138.027	92.018	92.018	184.036		13.009.225	
13	Ngô Thị Lan	3.33		13%	0.43			0.3	1.67	5.73	13.403.286	22	1.540.908	704.415	264.156	132.078	88.052	88.052	176.104		12.478.741	
14	Nguyễn Thị Thùy	3.33		13%	0.43			0.3	1.67	5.73	13.403.286	22	1.540.908	704.415	264.156	132.078	88.052	88.052	176.104		12.478.741	
15	Nguyễn Thị Miên	2.67		8%	0.21			0.3	1.34	4.52	10.573.524	22	1.180.834	539.810	202.429	101.214	67.476	67.476	134.952		9.865.023	
16	Nguyễn Thùy Hằng Ninh	2.67		7%	0.19			0.3	1.34	4.49	10.511.046	22	1.169.901	534.812	200.554	100.277	66.851	66.851	133.703		9.809.106	
17	Lưu Thị Lan Anh	2.67		7%	0.19	0.2		0.3	1.34	4.69	10.979.046		1.169.901	534.812	200.554	100.277	66.851	66.851	133.703		10.277.106	
18	Lương Thị Thanh Linh				0.00				1.17	1.17	2.737.800	22	0	0	0	0	0	0	0		2.737.800	
19	Nguyễn Thị Nga	2.34			0.00			0.3	1.17	3.81	8.915.400	22	958.230	438.048	164.268	82.134	54.756	54.756	109.512		8.340.462	
Cộng		62.06	1.60	2.13	8.43	0.30	0.20	5.40	29.55	107.53	251.623.476		29.519.381	13.494.574	5.060.465	2.530.233	1.686.822	1.686.822	3.373.644		233.911.848	

Uông Bí, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Kế Toán



Dương Thị Hồng Luyến

Lương Thị Định

Nội dung	Thành tiền	Bảo hiểm				BHXH trả thay lương	Thực lĩnh
		8% BHXH	1,5% BHVT	1% BHTN	Cộng		
Lương BC hệ số	145.220.400	11.617.632.0	2.178.306.0	1.452.204.0	15.248.142.0	-	129.972.258
PC chức vụ	3.744.000	299.520.0	56.160.0	37.440.0	393.120.0		3.350.880
PC thâm niên nghề	19.717.776	1.577.422.1	295.766.6	197.177.8	2.070.366.5		17.647.410
PC ưu đãi	69.135.300				-		69.135.300
PC độc hại	468.000				-		468.000
PC khu vực	12.636.000				-		12.636.000
PC trách nhiệm	702.000				-		702.000
Tổng cộng	251.623.476	13.494.574	2.530.233	1.686.822	17.711.628	-	233.911.848